TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2018
V/v: **"**Ly hôn **"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sầm Dắt Phắn; Bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Đ tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2017/ TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **HỶ CHĂN N**- sinh năm 1994.

Địa chỉ: Phố 4, ấp 4, xã P, huyện Q, tỉnh Đ.

* *Bị đơn:* Anh **THÔNG QUANG HOÀNG T**- sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 49 tổ 1, Kp.H, TT. Q, huyện Q, tỉnh Đ.

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, bản tự khai ngày 01/12/2017, các biên bản không T hành hòa giải được ngày 04/01/2018 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hỷ Chăn N trình bày:

Chị và anh Thông Quang Hoàng T tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau vào năm 2014, đến năm 2016 thì T đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/8/2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị sống và làm việc tại Khu công

nghiệp Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương; cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghe lời gia đình, nghi ngờ chị không minh bạch trong quản lý tiền của vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 4/2017 chị bị sẩy thai phải nhập viện điều trị nhưng anh T không quan tâm chăm sóc chị làm tình cảm của chị bị tổn thương. Do cuộc sống vợ chồng không còn vui vẻ nữa, anh T thường dùng những lời không hay xúc phạm chị nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều nên từ tháng 5/2017 chị và anh T sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, liên lạc với nhau nữa, đến nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thông Quang Hoàng T.

Chị và anh T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Thông Quang Hoàng T: Sau khi Tòa án T hành thụ lý vụ án và T hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 447/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2017 cho anh T theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có văn bản trả lời. Tòa án đã triệu tập anh đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Q:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Cuộc sống vợ chồng chị N và anh T đã thật sự mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T. Chị N và anh T không có con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Thông Quang Hoàng T đã

được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách của đương sự: Theo đơn khởi kiện, chị Hỷ Chăn N yêu cầu ly hôn với anh Thông Quang Hoàng T nên quan hệ pháp luật được xác định là "Xin ly hôn"; chị Hỷ Chăn N là nguyên đơn, anh Thông Quang Hoàng T là bị đơn theo quy định tại Điều 28, 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, được Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xem xét lời trình bày của chị N, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị N anh T thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Tòa án cũng đã T hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không tham gia, điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm với anh T và vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị N, anh T khi xảy ra mâu thuẫn đã tự sống ly thân nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn. Chị N xin ly hôn với anh Thông Quang Hoàng T theo là phù hợp Điều 19, 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với đề xuất của Kiểm sát viên nên được chấp nhận.

Về con chung: chị N, anh T không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai số 004515 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q được tính trừ vào số tiền án phí chị N phải chịu.

Về quyền kháng cáo: Chị Hỷ Chăn N có mặt tại phiên tòa nên quyền kháng cáo của chị được tính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thông Quang Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa nên quyền kháng cáo được tính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 146, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 21, 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Hỷ Chăn N và bị đơn anh Thông Quang Hoàng T được ly hôn.

Về con chung: không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hỷ Chăn N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004515 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Hỷ Chăn N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Thông Quang Hoàng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Cc đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã P;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa